

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM BÁ TUẤN

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG
KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU, QUA THỰC TIỄN
XÉT XỬ TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Giang**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU.....	6
1.1. Khái quát của hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng kinh doanh thương mại.....	6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	6
1.2. Khái quát giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	7
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và các tranh chấp cơ bản về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	7
1.2.2. Khái niệm về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu	8
1.3. Ý nghĩa pháp lý của quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu	8
1.4. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	9
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH HÀ TĨNH..	10

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	10
2.1.1. Quy định về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	10
2.1.2. Quy định về phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	11
2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	15
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH HÀ TĨNH.....	18
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	18
3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	18
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.....	19
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.....	19
KẾT LUẬN	20
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tại nước ta, khung pháp lý về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu và giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tương đối đầy đủ, được quy định chủ yếu trong BLDS năm 2015 và LTM năm 2005. Tuy vậy, trong thực tiễn thực thi pháp luật cũng như áp dụng pháp luật cũng nảy sinh một số bất cập như việc tuyên hoặc không tuyên hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu còn mâu thuẫn; giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu còn chưa đạt được sự thống nhất cao giữa các Tòa án nhân dân; một số hợp đồng kinh doanh thương mại xác lập bởi sự nhầm lẫn, giả tạo hay do lừa dối rất khó để chứng minh...vv.

Chính vì những lẽ trên, tác giả đã chọn đề tài: “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh*” cho luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Có một số công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài có thể kể đến như:

* *Sách*

Nguyễn Thị Mơ (2007), *Cẩm nang hợp đồng thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, Hà Nội.

TS. Ngô Hoàng Oanh (chủ biên), (2016), *Bình Luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Lao động, Hà Nội; TS. Nguyễn Minh Tuấn (Chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội; Nguyễn Văn Cừ - PGS.TS Trần Thị Huệ (Đồng chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân.

Cuốn “*Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*”, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, xuất bản năm 2016 của tác giả Đỗ Văn Đại.

* *Các luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp*

Nguyễn Văn Cường (2004), “*Giao dịch dân sự vô hiệu và việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu*”, Luận án Tiến sĩ, Khoa luật Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lê Minh Hùng (2010), *Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Luận văn thạc sĩ: “*Xử lý hợp đồng vô hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam*” của Nguyễn Thị Thanh, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2015; Luận văn thạc sĩ: “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về xử lý hợp đồng vô hiệu ở Việt Nam*” của Cao Thị Thùy Dương, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2014.

Đỗ Thị Len (2016), *Pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.

Trần Thị Bích Ngọc (2018), *Pháp luật về hợp đồng vô hiệu trong kinh doanh thương mại và thực tiễn tại Tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.

Vongphan Ienpanya (2019), *Xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu theo pháp luật Lào và Việt Nam dưới góc độ so sánh*, luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.

Định Thị Phương Dung (2020), “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại theo thủ tục xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân và thực tiễn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định*”, luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.

.....

* *Các bài tạp chí*

Phạm Nguyễn Linh, “*Xử lý hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực thương mại*”, Tạp chí Luật học, số 11/2008, tr. 11 - 18.

Ngô Huy Cương: “*Tự do ý chí và sự tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 2008; Đỗ Văn Đại: “*Nhầm lẫn trong chế định hợp đồng: những bất cập và hướng sửa đổi*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp năm 2008; Lê Thị Bích Thọ: “*Lừa dối trong giao kết hợp đồng*”, Báo Thông tin pháp luật, năm 2008...

Đào Hải yến (2018), “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, thực trạng và kiến nghị*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.

Phan Trọng Đạt, Trần Bảo Ngọc, “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại – Những lưu ý cho doanh nghiệp*”, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 12/2010, tr. 47-50.

Ngô Việt Bắc, Huỳnh Thị Hồng Nguyệt, “*Giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến hợp đồng*”, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 7/2020, tr.9 -14.

Định Thị Phương Dung, “*Một số vướng mắc khi giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án và giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này*”, Tạp chí Nghề Luật, số 9/2020, tr. 36 -41.

.....

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn cung cấp luận cứ khoa học để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, làm rõ một số vấn đề lý luận về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu và giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

Hai là, phân tích thực trạng pháp luật về hợp đồng vô hiệu và giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu;

Ba là, phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hà Tĩnh.

Bốn là, nêu các giải pháp hoàn thiện và pháp luật và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tại Tòa án nhân dân tỉnh hai cấp Hà Tĩnh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu và thực tiễn hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở tỉnh Hà Tĩnh..

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, luận văn nghiên cứu giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tại Tòa án nhân dân.

Về thời gian, từ năm 2014 đến năm 2022.

Về không gian: thực tiễn tại tỉnh Hà Tĩnh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn vận dụng cách tiếp cận theo phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ sở phương pháp luận này

được sử dụng xuyên suốt để giải quyết các vấn đề nghiên cứu trên quan điểm phát triển và toàn diện.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như:

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích quy phạm và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn, trong đó trọng tâm là chương 1 và chương 2 để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật.

- Phương pháp hệ thống hóa pháp luật: sử dụng hệ thống các văn bản pháp luật về đánh giá tác động môi trường được sử dụng chủ yếu ở Chương 1 và Chương 2 luận văn.

- Phương pháp phân tích định lượng và phân tích trường hợp chủ yếu được sử dụng trong chương 2 để làm rõ các số liệu thứ cấp thu thập trong quá trình tiến hành nghiên cứu.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật. Qua nghiên cứu, chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật, được sử dụng ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp bình luận và dự báo khoa học được sử dụng chủ yếu trong chương 3 của Luận văn để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trên cơ sở những luận cứ khoa học.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận, kết quả nghiên cứu của đề tài đã góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

Ý nghĩa thực tiễn của luận văn, dưới góc độ thực tiễn, luận văn chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần cam đoan, mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Chương 2. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu và thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Hà Tĩnh

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Hà Tĩnh

CHƯƠNG 1.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU

1.1. Khái quát của hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng kinh doanh thương mại

Trên cơ sở các trích dẫn, phân tích các định nghĩa trong luật và các công trình nghiên cứu, tác giả xây dựng định nghĩa về hợp đồng thương mại như sau: “*Hợp đồng kinh doanh thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên chủ thể mà trong đó ít nhất một bên là thương nhân về việc xác lập, thay đổi, hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong hoạt động thương mại bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”.

Hợp đồng kinh doanh thương mại có một số đặc điểm chính sau đây:

- Đối tượng của hợp đồng kinh doanh thương mại là hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích sinh lợi.
- Chủ thể hợp đồng kinh doanh thương mại: Hợp đồng thương mại được thiết lập chủ yếu giữa các thương nhân.
- Mục đích của hợp đồng kinh doanh thương mại: luôn hướng đến việc tìm kiếm lợi nhuận, kinh doanh thu lời.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu là những hợp đồng không thoả mãn một trong các điều kiện có hiệu lực do luật định dẫn tới hợp đồng không có giá trị hiệu lực, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của giữa các bên chủ thể trong hợp đồng, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu có một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, hợp đồng kinh doanh thương mại vi phạm điều kiện có hiệu lực theo Điều 117 BLDS 2015 chưa chắc đã vô hiệu nhưng hợp đồng kinh doanh thương mại được xác định là vô hiệu thì phải vi phạm một hoặc một trong các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Thứ hai, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu không có giá trị pháp lý nên các bên chủ thể trong hợp đồng không phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng.

Thứ ba, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu có thể thuộc trường hợp vô hiệu toàn bộ hoặc vô hiệu từng phần.

Thứ tư, các chủ thể giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại thường là những chủ thể có kinh nghiệm, có hiểu biết pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng do đó các hợp đồng kinh doanh thương mại bị vô hiệu thường rơi vào sự giao kết cố ý của các bên.

1.2. Khái quát giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và các tranh chấp cơ bản về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

1.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh thương mại có thể được hiểu là sự mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, ý kiến của các bên khi tham gia quan hệ hợp đồng với nhau liên quan đến việc thực hiện hay không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng, thậm chí việc bất đồng ý kiến về việc đánh giá hành vi vi phạm hoặc cách thức giải quyết hậu quả phát sinh từ việc vi phạm quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng cũng được xem là tranh chấp hợp đồng.

Khi bàn đến các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu thì các tranh chấp này phải hội tụ đủ các yếu tố sau đây:

Thứ nhất, một tranh chấp được coi tranh chấp hợp đồng thương mại nói chung hay tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu nói riêng thì phải có ít nhất một bên là thương nhân trong giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại.

Thứ hai, tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu thể hiện ở nhiều dạng khác nhau trong thực tiễn.

Thứ ba, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu thường xuất hiện tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Thứ tư, hậu quả pháp lý khi giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu khác với hậu quả pháp lý khi giải quyết các dạng tranh chấp khác của hợp đồng kinh doanh thương mại.

Thứ năm, giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu thường có thể liên quan đến người thứ ba – là người cũng bị ảnh hưởng về quyền, lợi ích vì sự vô hiệu của hợp đồng kinh doanh thương mại đó.

Thứ sáu, đối với các tranh chấp nói chung về hợp đồng kinh doanh thương mại thì thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp được áp dụng chung theo Điều 429 BLDS 2015.

Thứ bảy, các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu có thể liên quan đến quyền, lợi ích của Nhà nước.

1.2.1.2. Các tranh chấp cơ bản về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh vô hiệu rất đa dạng trên thực tế. Tựu chung lại có thể kể đến một số dạng tranh chấp cơ bản về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu như sau:

* Các tranh chấp liên quan đến việc xác định hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu hoặc không vô hiệu

* Các tranh chấp liên quan đến giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

* Các tranh chấp về lỗi của chủ thể là nguyên nhân dẫn đến sự vô hiệu của hợp đồng kinh doanh thương mại

1.2.2. Khái niệm về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu nhằm giải quyết bất đồng, bảo vệ quyền cho các chủ thể trong hợp đồng kinh doanh thương mại qua đó duy trì ổn định trật tự xã hội.

Việc giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu có thể được tiến hành theo những phương thức sau: Thương lượng; hoà giải; trọng tài; toà án.

1.3. Ý nghĩa pháp lý của quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Đối với các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu thì quy định pháp luật về giải quyết dạng tranh chấp này có một số ý nghĩa pháp lý cơ bản như sau:

Thứ nhất, quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu là nguồn áp dụng pháp luật quan trọng nhất để cơ quan có thẩm quyền viện dẫn, căn cứ vào nhằm giải quyết tranh chấp phát sinh.

Thứ hai, quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu là căn cứ pháp lý quan trọng để các chủ thể trong hợp đồng căn cứ vào đó nhằm bảo vệ quyền lợi của họ khi hợp đồng kinh doanh thương mại bị vô hiệu.

Thứ ba, quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu là các căn cứ quan trọng để giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể trong quan hệ hợp đồng qua đó nhằm hạn chế các tranh chấp xảy ra.

Thứ tư, quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu cũng là một trong những yếu tố để hạn chế việc các bên xác lập các hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

1.4. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Pháp luật Việt Nam từ rất sớm đã ghi nhận về giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu nói riêng. Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu chủ yếu được quy định trong các văn bản pháp luật sau đây:

Trước hết, các quy định liên quan đến hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu được quy định trong BLDS 2015. Cụ thể các vấn đề được ghi nhận chính bao gồm:

(i) Định nghĩa về giao dịch dân sự vô hiệu, trong đó được áp dụng cho trường hợp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu (Điều 122 BLDS 2015);

(ii) Quy định về hợp đồng vô hiệu tại Điều 407 BLDS 2015 là cơ sở để áp dẫn chiếu áp dụng với trường hợp vô hiệu của hợp đồng kinh doanh thương mại;

(iii) Các trường hợp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu bao gồm:

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do giả tạo.

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện.

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do bị nhầm lẫn.

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

- Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH HÀ TĨNH

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

2.1.1. Quy định về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

2.1.1.1. Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về năng lực chủ thể

Chủ thể trong hợp đồng kinh doanh thương mại có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Theo quy định trên, hợp đồng kinh doanh thương mại do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện không mặc nhiên bị vô hiệu. Việc vô hiệu hay không phụ thuộc vào người đại diện theo pháp luật của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự...

2.1.1.2. Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về ý chí tự nguyện của chủ thể

Tự nguyện của các chủ thể trong hợp đồng kinh doanh thương mại được hiểu là sự thống nhất giữa ý chí bên trong và sự thể hiện ý chí ra bên ngoài của các chủ thể xác lập hợp đồng.

Các trường hợp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về ý chí tự nguyện của chủ thể bao gồm:

Thứ nhất, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do giả tạo

Thứ hai, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do bị nhầm lẫn

Thứ ba, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do bị lừa dối

Thứ tư, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép

Thứ năm, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình

2.1.1.3. Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về nội dung, mục đích

Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu*”. Như vậy, về nguyên tắc,

trong bất kể trường hợp nào, hợp đồng dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội thì vô hiệu.

2.1.1.4. Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về hình thức

Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận hình thức là một trong những điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định. Như vậy, có thể thấy về nguyên tắc hình thức không phải là điều kiện bắt buộc để cho hợp đồng có hiệu lực pháp lý. Tức là hợp đồng chỉ bị tuyên vô hiệu do vi phạm điều kiện về hình thức nêu trong Bộ luật Dân sự hoặc luật khác quy định cụ thể về hình thức xác lập hợp đồng đó.

2.1.1.5. Hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do có đối tượng không thực hiện được

Khoản 1, Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trong trường hợp ngay từ khi giao kết, hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được thì hợp đồng này bị vô hiệu*”. Đối tượng của hợp đồng có thể là tài sản, công việc phải thực hiện hoặc không được thực hiện. Là tài sản thì tài sản đó phải có thực, trong một số trường hợp nhất định, pháp luật chấp nhận đối tượng của hợp đồng là vật chưa có trong hiện tại nhưng chắc chắn sẽ có trong tương lai (tài sản hình thành trong tương lai). Đối tượng là công việc thì công việc phải thực hiện được.

2.1.2. Quy định về phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

Cũng giống như những tranh chấp thương mại khác, giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu có thể được giải quyết theo một trong bốn phương thức sau:

- (i) Thương lượng;
- (ii) Hoà giải;
- (iii) Giải quyết tại Trọng tài;
- (iv) Giải quyết tại Toà án.

2.1.2.1. Thương lượng

Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kì bên thứ ba nào.

Quá trình thương lượng giữa các bên cũng không chịu sự ràng buộc của bất kì nguyên tắc pháp lý hay những quy định mang tính khuôn mẫu nào của pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp.

** Các giai đoạn của phương thức thương lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

Bước 1. Đề xuất yêu cầu thương lượng

Bước 2. Chuẩn bị thương lượng

Bước 3. Tiến hành thương lượng

Bước 4. Kết thúc thương lượng

** Kết quả dự kiến của thương lượng giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

Trường hợp 1. Thương lượng thành

Trường hợp 2. Thương lượng không thành

2.1.2.2. Hoà giải

Hòa giải cũng là giải quyết các tranh chấp, bất đồng giữa hai hay nhiều bên tranh chấp bằng việc các bên dàn xếp, thương lượng với nhau có sự tham gia của bên thứ ba (không phải là bên tranh chấp).

** Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại:*

- Các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

- Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

- Nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba.

** Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại*

Tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thỏa thuận hòa giải. Các bên có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước, sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp.

** Lựa chọn, chỉ định hòa giải viên thương mại*

Hòa giải viên thương mại do các bên thỏa thuận lựa chọn từ danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại hoặc từ danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố.

** Quyền, nghĩa vụ của các bên tranh chấp trong quá trình hòa giải*

Các bên tranh chấp có các quyền sau đây: (a) Lựa chọn trình tự, thủ tục hòa giải, hòa giải viên thương mại, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; (b) Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; (c) Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai; (d) Được bày tỏ ý chí và quyết

định về nội dung hòa giải; (đ) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Các bên tranh chấp có các nghĩa vụ sau đây: (a) Trình bày đúng sự thật, các tình tiết của tranh chấp, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp theo đề nghị của hòa giải viên thương mại; (b) Thi hành kết quả hòa giải thành; (c) Trả thù lao và chi phí dịch vụ hòa giải thương mại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; (d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

** Kết quả hoà giải*

Trường hợp 1. Hoà giải thành

Trường hợp 2. Hoà giải không thành

Trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

** Chấm dứt hoà giải*

Thủ tục hòa giải chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- (1). Khi các bên đạt được kết quả hòa giải thành.
- (2). Khi hòa giải viên thương mại xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hòa giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên.
- (3). Theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp.

2.1.2.3. Giải quyết tại trọng tài

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thoả thuận và được tiến hành theo của Luật trọng tài.

** Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài*

Giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu bằng Trọng tài cần tuân thủ theo các nguyên tắc sau đây:

- Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.
- Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.
- Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- Phán quyết trọng tài là chung thẩm.

** Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài*

- Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thoả thuận trọng tài. Thoả thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

- Trường hợp một bên tham gia thoả thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

- Trường hợp một bên tham gia thoả thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

** Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài*

- Các bên có quyền thoả thuận địa điểm giải quyết tranh chấp; trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định.

- Trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, Hội đồng trọng tài có thể tiến hành phiên họp tại địa điểm được xem là thích hợp cho việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên của Hội đồng trọng tài, việc lấy lời khai của người làm chứng, tham vấn ý kiến các chuyên gia hoặc tiến hành việc giám định hàng hoá, tài sản hoặc tài liệu khác.

** Thoả thuận trọng tài*

Thoả thuận trọng tài có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thoả thuận riêng.

** Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tại Trọng tài*

Bước 1. Nộp đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo

Bước 2. Bị đơn nộp bản tự bảo vệ (Theo Điều 35 Luật TTTM 2010)

Bước 3. Thành lập hội đồng trọng tài

Bước 4. Hòa giải (Theo Điều 58 Luật TTTM 2010)

Bước 5. Tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp (Theo Điều 55 Luật TTTM 2010)

Bước 6. Hội đồng trọng tài ra phán quyết

2.1.2.4. Giải quyết tranh chấp tại Tòa án

Trình tự giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu theo thủ tục Tòa án cụ thể như sau:

Bước 1. Khởi kiện vụ việc

Việc này được tiến hành thông qua bộ hồ sơ gồm: Đơn khởi kiện; Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Bước 2. Thụ lý vụ án

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người

khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí. (Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015)

Bước 3. Chuẩn bị giải quyết

Việc chuẩn bị xét xử gồm các công việc sau:

Thứ nhất, thu thập chứng cứ

Thứ hai, hòa giải

Bước 4. Mở phiên Tòa sơ thẩm

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

2.1.3.1. Những thành tựu đạt được

** Đối với quy định về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

- Cả BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 đều ghi nhận điều kiện về tính tự nguyện của chủ thể. Đối với điều kiện này, cả BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 đều ghi nhận giống nhau về nội dung. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 đổi vị trí điều kiện này lên trước điều kiện về nội dung và mục đích của giao dịch dân sự. Cơ sở cho sự thay đổi này xuất phát từ tính lô - gic trong việc sắp xếp các điều kiện.

- Về giao dịch dân sự vô hiệu, trong đó bao hàm cả trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu thì Điều 122 BLDS năm 2015: “*Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác*”. Điều luật này đã bổ sung thêm ngoại lệ “*trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác*” so với quy định tại Điều 127 BLDS năm 2005. Sự bổ sung này hoàn toàn hợp lý, khắc phục được điểm thiếu sót của BLDS năm 2005.

- Bộ luật quy định giao dịch dân sự được xác lập do nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập hợp đồng thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu, trừ trường hợp mục đích xác lập hợp đồng của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc xác lập hợp đồng vẫn đạt được.

- BLDS năm 2005 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa thì BLDS năm 2015 bổ sung thêm trường hợp “*cưỡng ép*”. Sự bổ sung của BLDS năm 2015 về trường hợp cưỡng ép khi xác lập hợp đồng, bao gồm cả hợp đồng thương mại là hoàn toàn phù hợp.

- BLDS năm 2015 đã khắc phục được những điểm hạn chế, bất cập trong BLDS năm 2005 về hình thức của hợp đồng. BLDS năm 2015 đã bổ sung những quy định mới nhằm hạn chế việc tuyên bố hợp đồng vi phạm hình thức bị vô hiệu. Qua đó, thúc đẩy sự phát triển và gia tăng số lượng của các hợp đồng.

** Đối với quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

Nhìn chung Luật Thương mại và các văn bản có liên quan đã ghi nhận tương đối đầy đủ các phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu. Các phương thức như thương lượng, hoà giải, Trọng tài, Toà án được các bên chủ thể thoả thuận lựa chọn để giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

2.1.3.2. Những điểm bất cập

** Đối với quy định về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

- Luật Thương mại năm 2005 đã quy định về rất nhiều hành vi lừa dối bị cấm trong các hoạt động thương mại. Tuy vậy, các quy định này mang tính chất manh mún, không có sự tập trung và nhiều trường hợp chưa được ghi nhận đầy đủ.

- Nhiều quy định của BLDS về hợp đồng vô hiệu chưa cụ thể hoặc quy định không rõ dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau, không thống nhất trong thực tiễn áp dụng. Mặt khác, BLDS chưa bao quát được hết các trường hợp xảy ra như: chưa quy định trường hợp nhầm lẫn khi hai bên chủ thể không có lỗi hoặc sự nhầm lẫn về chủ thể của hợp đồng thương mại;

** Đối với quy định về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu*

Với phương thức thương lượng: luật không có quy định các các bên tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu tự thoả thuận để giải quyết tranh chấp.

Với phương thức hoà giải, công tác hòa giải hiện nay vẫn còn có một số hạn chế như: quy trình về công tác hòa giải ở cơ sở, còn xem việc hòa giải là đơn giản, chỉ mời các bên tiến hành hòa giải miệng, không vào sổ thống kê hồ sơ, nhất là đối với những vụ việc hòa giải thành, nên việc thống kê, báo cáo tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở thấp hơn so với vụ việc hòa giải trên thực tế.

Với phương thức trọng tài:

- Về phạm vi điều chỉnh của Luật TTTM chưa được quy định một cách rõ ràng nên thực tế dẫn tới có hai quan điểm nhận thức khác nhau về phạm vi điều chỉnh của Luật gây khó khăn cho việc xác định thẩm quyền của Trọng tài.

- Quy định về thẩm quyền của trọng tài. So với quy định trước đây, chỉ có tổ chức kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh mới có quyền lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp, nhưng với quy định tại Điều 2 Luật TTTM, phạm vi thẩm quyền trọng tài đã được mở rộng, mà theo đó, bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào cũng có thể thoả thuận lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp, miễn là lĩnh vực đó phát sinh theo quy định của Luật. Tuy nhiên, với quy định mở như vậy, nhưng thiếu

hướng dẫn chi tiết các loại tranh chấp được giải quyết thông qua hình thức TTTM lại là hạn chế khi áp dụng quy định của Luật TTTM vào thực tiễn.

- Quy định về sự hỗ trợ của Tòa án trong giải quyết tranh chấp.

- Quy định tại Điều 67 Luật TTTM: *“Phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.* Quy định tại Điều 67 Luật TTTM đã làm phức tạp thêm quá trình áp dụng phương thức giải quyết TTTM, vốn được coi là phương thức giải quyết nhanh, gọn.

Về phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án:

- Tại Điều 23a quy định Tòa án phải đảm bảo quyền tranh luận trong tố tụng dân sự. Từ nguyên tắc này, Điều 233 quy định Chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện cho đương sự, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự phát biểu khi tranh luận và đối đáp, không được hạn chế thời gian tranh luận, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều trường hợp đương sự phát biểu về đánh giá chứng cứ và đề xuất quan điểm liên quan đến vụ án quá dài, nhiều nội dung còn trùng lặp, ảnh hưởng đến thời gian xét xử.

- Tại Khoản 4 Điều 29 quy định Tòa án có thẩm quyền giải quyết *“các tranh chấp khác về kinh doanh thương mại”*. Do quy định trên chưa rõ ràng, nên thực tế có những vụ án nguyên đơn là ngân hàng thương mại kiện đòi nợ thông qua hợp đồng tín dụng với bị đơn là cá nhân, tổ chức, có đơn vị xác định là án kinh doanh thương mại, có đơn vị xác định là án dân sự, dẫn đến quá trình kiểm sát cũng bị hạn chế.

Ngoài ra, còn một số hạn chế vướng mắc bất cập khác liên quan đến thời gian giải quyết vụ việc, về vấn đề chứng minh, chứng cứ...cũng làm ảnh hưởng tới hoạt động giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu.

CHƯƠNG 3.

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH HÀ TĨNH

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

** Kiến nghị quy định pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm về ý chí tự nguyện*

- Bổ sung thêm trường hợp: nếu một bên nhầm lẫn về nội dung chủ yếu của giao dịch mà xác lập giao dịch thì có quyền yêu cầu bên kia thay đổi nội dung của giao dịch đó, nếu bên kia không chấp nhận yêu cầu thay đổi của bên bị nhầm lẫn thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Quy định này nhằm hạn chế các giao dịch nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng vô hiệu do nhầm lẫn bị vô hiệu bởi xét thấy sự nhầm lẫn có thể xuất phát từ chính lỗi của bên bị nhầm lẫn hoặc lỗi vô ý của chủ thể bên kia.

- Kiến nghị Điều 126 BLDS năm 2015 cần bổ sung thêm quy định một bên để mặc cho chủ thể bên kia nhầm lẫn dù họ không đưa ra bất cứ thông tin hay có hành động nào nhằm gây nhầm lẫn cho đối tác thì trường hợp này cũng được xác định là nhầm lẫn.

- Quy định cụ thể chủ thể thứ ba đưa ra thông tin lừa dối mà không phải chủ thể trong hợp đồng đưa ra thông tin lừa dối đối tác.

** Kiến nghị quy định pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm về hình thức*

- Đối với quy định của Điều 129 BLDS năm 2015, Tác giả đề xuất như sau nghị cần phân biệt các trường hợp sau:

+ Đối với những giao dịch các bên đều có nghĩa vụ tài sản, còn nghĩa vụ phi tài sản chỉ là những công việc để hoàn thiện hình thức của giao dịch, thì chỉ căn cứ vào nghĩa vụ tài sản để xác định.

+ Đối với giao dịch một bên có nghĩa vụ tài sản, một bên thực hiện những hành vi, công việc nhất định, nếu bên có nghĩa vụ tài sản đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ thì đủ điều kiện theo luật định để công nhận hợp đồng.

+ Riêng đối với trường hợp cả hai bên đều có nghĩa vụ phi tài sản thì vấn đề rất phức tạp do không có tiêu chí cụ thể. Vì vậy, trước hết phải dựa trên thỏa thuận của hai bên trong giao dịch về số lượng, loại việc... mà mỗi bên phải thực hiện, từ đó yêu cầu mỗi bên chứng minh về số lượng, khối lượng, thời gian, công sức đã bỏ ra...¹.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu

- Cần phải tăng thời hạn giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại mang tính phức tạp sẽ được kéo dài thời hạn giải quyết không quá 04 tháng là hợp lý, đây là mức thời hạn thấp nhất theo quy định tố tụng đối với vụ án dân sự thông thường. Tuy nhiên, đối với các vụ án đơn giản thì nên áp dụng về việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn theo BLTTDS 2015 có quy định.

- Biện pháp đảm bảo cho việc bị đơn phải có mặt tại Tòa án: Theo quy định của BLTTDS 2015 thì Tòa án phải triệu tập các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Tòa án theo thời gian trên giấy triệu tập. Tuy nhiên trên thực tế việc triệu tập này vẫn không có biện pháp đảm bảo được các đương sự nên đây cũng là hạn chế lớn cần được khắc phục.

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và thống kê thành tập án. lệ riêng trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp Hợp đồng thương mại tạo điều kiện cho các thẩm phán có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này.

- Việc tiếp nhận, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án: Tòa án cần liên hệ đến những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ án xác minh một cách cụ thể nhằm tránh tình trạng đưa ra phán quyết sai lệch.

- Xem xét về thẩm quyền của Viện kiểm sát với tư cách là người tiến hành tố tụng đối với vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Nâng cao chất lượng hòa;
- Nâng cao trình độ chuyên môn của những cán bộ tiến hành tố tụng tại địa phương.

- Nâng cao công tác tuyên truyền, công tác giáo dục pháp luật tại địa phương. Tòa án nhân dân cấp huyện cần phối hợp với các xã (phường) tại địa phương kiện toàn đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật.

¹ Tường Duy Lương, “*Những vấn đề pháp lý khi áp dụng Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định hình thức*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 9/2018.

KẾT LUẬN

Các hợp đồng kinh doanh thương mại được giao kết ngày càng nhiều với giá trị lớn. Trong số đó, nhiều hợp đồng kinh doanh thương mại được xác lập nhưng vi phạm các điều kiện có hiệu lực. Các trường hợp này ngày càng phổ biến trên thực tế với nhiều các hình thức khác nhau.

Nhằm tìm hiểu về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu và giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại, tác giả đã nghiên cứu một cách toàn diện, thấu đáo về vấn đề này từ lý luận, thực trạng pháp luật, thực trạng áp dụng và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại

Các chủ thể khi giao kết các hợp đồng nói chung và hợp đồng kinh doanh thương mại nói riêng cần chú trọng đến điều kiện có hiệu lực; tránh hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu khiến cho mục đích của các bên giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại không đạt được.

Đồng thời, khi xảy ra tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu, các bên cần thiện chí và tự nguyện giải quyết theo quy định của pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật

1. Bộ luật dân sự năm 2005;
2. Bộ luật dân sự năm 2015;
3. Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
4. Luật thương mại năm 2005;
5. Luật Trọng tài Thương mại 2010;
6. Luật Hoà giải cơ sở 2013;
7. Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn quy định về Bộ luật tố tụng dân sự kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao ban hành;
8. Án lệ số 12/2017/AL về vụ án “*Kinh doanh, thương mại tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Công trình nghiên cứu khoa học

1. Nguyễn Mạnh Bách (2004), *Luật Dân sự Việt Nam Lược khảo*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
2. Nông Quốc Bình, “*Có nên xây dựng một chương riêng về hợp đồng trong Luật Thương mại hay không*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Số 03/2005, tr. 40 - 43.
3. Nguyễn Văn Cừ, PGS.TS. Trần Thị Huệ (Đồng Chủ biên, 2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình luật hợp đồng phần chung, nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội*, Hà Nội, 2013;
5. Ngô Huy Cương: “*Tự do ý chí và sự tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 2008;
6. Nguyễn Văn Cường (2004), *Giao dịch dân sự vô hiệu và việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu*, Luận án tiến sĩ luật học, khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Cao Thùy Dương (2004), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về xử lý hợp đồng vô hiệu ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
8. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*, nhà xuất bản Hồng Đức – Hội luật gia Việt nam, Hồ Chí Minh.

9. Đỗ Văn Đại: “*Nhầm lẫn trong chế định hợp đồng: những bất cập và hướng sửa đổi*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp năm 2008;
10. Phạm Bá Đông (2013), *Một số vấn đề về hợp đồng dân sự vô hiệu - thực trạng và hướng hoàn thiện*, Luận Văn Thạc sỹ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Lê Minh Hùng (2010), *Hiệu lực của hợp đồng theo quan điểm của Bộ luật dân sự 2005*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Bùi Thị Thu Huyền (2010), *Hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm điều kiện ý chí chủ thể*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
13. Đặng Thị Huệ (2009), *Tìm hiểu pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu*, khóa luận tốt nghiệp, trường Đại học Luật Hà Nội.
14. Đỗ Thị Len (2016), *Pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
15. Phạm Nguyễn Linh (2008), *Xử lý HĐVH trong lĩnh vực thương mại*, Tạp chí luật học, Số 11 năm 2008.
16. Hoàng Quảng Lực (2011), *Bàn về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao, Số 21/2011, tr. 22-24.
17. Phạm Ngọc Minh (2006), *Hợp đồng dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu*, Luận Văn Thạc sỹ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Mơ (2007), *Cẩm nang hợp đồng thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Nhân (2008), “*Ý chí của chủ thể trong giao dịch dân sự*”, Luận văn thạc sĩ Luật học.
20. Nguyễn Hải Ngân (2015), *Hợp đồng dân sự vô hiệu do giả tạo*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
21. Trần Thị Bích Ngọc (2018), *Pháp luật về hợp đồng vô hiệu trong kinh doanh thương mại và thực tiễn tại Tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
22. Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa (2005), *Từ điển Tiếng Việt*;
23. TS. Ngô Hoàng Oanh (chủ biên), (2016), *Bình Luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Lao động, Hà Nội;
24. Nguyễn Thị Thanh: “*Xử lý hợp đồng vô hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam*”, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2015;

25. TS. Nguyễn Minh Tuấn (Chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội;
26. Lê Thị Bích Thọ: “*Lừa dối trong giao kết hợp đồng*”, Báo Thông tin pháp luật, năm 2008;
27. Viện Sử học Việt Nam (1991), *Bộ Quốc triều Hình luật*, Nxb. Khoa học Pháp lý, Hà Nội;
28. Viện Khoa học pháp lý (2006): *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa và Nhà Xuất bản Tư pháp xuất bản, Hà Nội;
29. Nguyễn Như Ý (cb) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.
30. Đào Thị Xuân Lan, *Hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh tế tại Tòa án ở Việt Nam hiện nay*, năm 2009
31. Luận án Ts. Nguyễn Văn Tiến, *Thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân đối với vụ việc kinh doanh thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, năm 2009
32. Luận án Ts Luật học Trần Minh Chất, *Áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp kinh tế nước ta hiện nay*, năm 2009

Website

9. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>
10. <http://toaan.gov.vn>
11. <http://vi.wikipedia.org>
12. Thongtinphapluatdansu.wprdpres.com